

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN  
THÀNH PHỐ YÊN BÁI  
TỈNH YÊN BÁI**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 43 /2017/ HNGĐ-ST  
Ngày: 27/7/2017.

V/v “ Ly hôn tranh chấp nuôi con chung”.

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ YÊN BÁI  
Với thành phần hội đồng xét xử gồm có:**

*Thẩm phán – Chủ tọa phiên toà:* Bà Nguyễn Thị Kim Tuyền.

*Các hội thẩm nhân dân:*

1. Ông Nguyễn Ngọc Thủy.
2. Bà Nguyễn Ngọc Oanh.

*Thư ký phiên toà:* Bà Hà Thị Mai Huế – Thư ký Toà án nhân dân thành phố Yên Bái.

Ngày 27 tháng 7 năm 2017, tại trụ sở Toà án nhân dân thành phố Yên Bái, tỉnh Yên Bái. Tòa án nhân dân thành phố Yên Bái, tỉnh Yên Bái mở phiên toà xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 191/2017/TLST – HNGĐ ngày 23/5/2017. Về việc: “ Ly hôn và tranh chấp nuôi con chung” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 63/2017/QĐST- HNGĐ ngày 12 tháng 7 năm 2017 giữa các đương sự:

*1. Nguyên đơn:* Chị Trần Thị Vân A - Sinh năm 1973.

ĐKNKTT: Tổ 49, phường Đồng Tâm, thành phố Yên Bái, tỉnh Yên Bái. Có mặt.

*2. Bị đơn:* Anh Bùi Nguyên Đ - sinh năm 1972.

ĐKNKTT: Tổ 49, phường Đồng Tâm, thành phố Yên Bái, tỉnh Yên Bái. Có mặt.

**NỘI DUNG VỤ ÁN;**

*Theo đơn khởi kiện ngày 23/5/2017; bản tự khai; các tài liệu có trong hồ sơ và tại phiên toà sơ thẩm nguyên đơn chị Trần Thị Vân A trình bày:*

Chị Trần Thị Vân A và anh Bùi Nguyên Đ kết hôn với nhau, trên cơ sở tự nguyện, có tìm hiểu, có đăng ký kết hôn vào ngày 16/11/2000 tại Ủy ban nhân dân xã Thịnh Hưng, huyện Yên B, tỉnh Yên Bái. Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống hạnh phúc đến đầu năm 2010 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do vợ chồng bất đồng quan điểm sống, vợ chồng đã tự hòa giải, gia đình hai bên đã khuyên bảo, hòa giải nhưng mâu thuẫn không khắc phục được, vợ chồng sống ly

thân từ tháng 2 năm 2017 đến nay. Chị Vân A xác định cảm vợ chồng không còn. Đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn anh Đ.

Về con chung: Chị Trần Thị Vân A và anh Bùi Nguyên Đ có 02 con chung là cháu Bùi Nguyên D - Sinh ngày 15/5/2001 và cháu Bùi Nguyên B - Sinh ngày 19/12/ 2005. Nguyên vọng của chị Vân A được trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc cả hai người con chung. Yêu cầu anh Đ cấp dưỡng nuôi con chung mỗi con 1.000.000đồng/một tháng, cho đến khi các con thành niên.

Về tài sản, nợ chung: Chị Vân A không yêu cầu Tòa án giải quyết.

*Bị đơn anh Bùi Nguyên Đ trình bày:* Về thời gian, địa điểm, đăng ký kết hôn và nguyên nhân mâu thuẫn vợ chồng như chị Vân A trình bày là đúng. Anh Đ xác định tình cảm vợ chồng chưa đến mức phải ly hôn, vì anh vẫn còn tình cảm với chị Vân A. Tại phiên tòa hôm nay, chị Vân A vẫn giữ yêu cầu xin ly hôn, anh Đ đồng ý.

Về con chung: Vợ chồng có 02 con chung như chị Vân A trình bày. Ly hôn, nguyên vọng của anh Đ được trực tiếp, nuôi dưỡng, chăm sóc cháu Bùi Nguyên D. Để chị Vân A trực tiếp, nuôi dưỡng, chăm sóc cháu Bùi Nguyên B. Anh Đ và chị Vân A đều không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản, nợ chung: Anh Đ không yêu cầu Tòa án giải quyết.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về quan hệ hôn nhân:

Chị Trần Thị Vân A và anh Bùi Nguyên Đ kết hôn với nhau trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại cơ quan Nhà nước có thẩm quyền, là hôn nhân hợp pháp. Quá trình chung sống vợ chồng xảy ra mâu thuẫn, nguyên nhân là do bất đồng quan điểm sống, tính cách không hòa hợp, vợ chồng đã sống ly thân. Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã hòa giải, động viên, phân tích để chị Vân A và anh Đ trở về đoàn tụ gia đình, xây dựng cuộc sống chung. Tuy nhiên, chị Vân A xác định tình cảm vợ chồng không còn đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh Đ.

Trên thực tế chị Vân A và anh Đ đã sống ly thân, không còn quan tâm đến nhau, thể hiện mâu thuẫn vợ chồng giữa chị Vân A và anh Đ đã trầm trọng, đời sống chung không còn, mục đích của hôn nhân không đạt được. Vì vậy, yêu cầu xin ly hôn của chị Trần Thị Vân A là có căn cứ, cần chấp nhận.

[2]. Về con chung: Chị Trần Thị Vân A và anh Bùi Nguyên Đ có 02 con chung là cháu Bùi Nguyên D, sinh ngày 15/5/2001 và cháu Bùi Nguyên B, sinh ngày 19/12/ 2005. Chị Vân A có nguyên vọng, trực tiếp, nuôi dưỡng, chăm sóc cả hai con chung. Anh Đ có nguyên vọng được trực tiếp, nuôi dưỡng, chăm sóc cháu D. Để chị Vân A trực tiếp, nuôi dưỡng, chăm sóc cháu B. Nguyên vọng của chị Vân A và anh Đ đều chính đáng. Song việc giao con cho ai nuôi, phải xem xét mọi mặt về quyền lợi của con chưa thành niên và nguyên vọng của các con. Cháu Bùi

Nguyên B còn nhỏ nên cần sự trực tiếp chăm sóc của chị Vân A nên giao cháu B cho chị Vân A trực tiếp, nuôi dưỡng, chăm sóc. Cháu Bùi Nguyên D nên giao cho anh Bùi Nguyên Đ trực tiếp, nuôi dưỡng, chăm sóc là phù hợp. Không bên nào phải cấp dưỡng nuôi con chung cho bên nào và có quyền nghĩa vụ thăm nom con chung.

[3] Về các vấn đề khác:

Về án phí: Chị Trần Thị Vân A phải chịu án phí dân sự ly hôn sơ thẩm.

Về quyền kháng cáo: Các đương sự được quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

*Vì các lẽ trên:*

### **QUYẾT ĐỊNH**

Áp dụng khoản 1 Điều 56; 81; 82; 83 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; khoản 4 Điều 147; Điều 271; 273 Bộ luật tố tụng dân sự; khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTV - QH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về “Án phí, lệ phí Tòa án”.

**1. Về quan hệ hôn nhân:**

Chị Trần Thị Vân A được ly hôn anh Bùi Nguyên Đ.

**2. Về con chung:**

Giao cháu Bùi Nguyên B, sinh ngày 19/12/2005 cho chị Trần Thị Vân A trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục cho đến khi cháu B đủ 18 tuổi.

Giao cháu Bùi Nguyên D, sinh ngày 15/5/2001 cho anh Bùi Nguyên Đ trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục cho đến khi cháu D đủ 18 tuổi.

Chị Trần Thị Vân A và anh Bùi Nguyên Đ không phải cấp dưỡng nuôi con chung và có quyền nghĩa vụ trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung mà không ai được cản trở.

**3. Về án phí:**

Chị Trần Thị Vân A phải chịu 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) tiền án phí dân sự sơ thẩm. Được trừ vào số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm chị Vân A đã nộp là 300.000 đồng theo biên lai số: AA/2013/06182 ngày 23/5/2017 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố Yên Bái (Xác nhận chị Trần Thị Vân A đã nộp đủ án phí dân sự sơ thẩm). Anh Bùi Nguyên Đ không phải chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm.

**4. Về quyền kháng cáo:** Chị Trần Thị Vân A và anh Bùi Nguyên Đ được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

*Trường hợp Quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành*

*án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo Điều 30 Luật thi hành án dân sự./.*

***Nơi nhận:***

- TAND tỉnh Yên Bái;
- VKSND TP Yên Bái;
- THADS TP Yên Bái;
- Các đương sự.
- UBND xã Thịnh Hưng, huyện Yên Bình;
- Lưu HS ; TA.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**  
**Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa**

**Nguyễn Thị Kim Tuyền**

**THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ**

**THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Nguyễn Thị Kim Tuyền**

